1.**Git log**:hiển thị nhật ký commit

2.**git branch –d work1**: xóa nhánh work1

3.**git diff head**:sự khác biệt giữa nhánh đang làm việc và head

4.**git config –l**:kiểm tra thiết lập

5.**git diff a3fbde d6aeba**:sự khác biệt giữa các commit

6.**git clone <url>:**sao chép kho truy cập từ xa vào local

7.**git rm foo.txt**:xóa tệp foo.txt

8.**git help**:hiển thị trợ giúp

9.**git checkout br1**:chuyển đến 1 nhánh khác

10.**git status**:xem trạng thái kho lưu trữ,cũng như nội dung thay đổi

11.**git checkout –b b1**:tạo và chuyển tới nhánh b1

12.**git branch**:xem danh sách các nhánh.

13.**git log foo.txt**:chỉ định tệp rồi hiển thị nhật ký

14.**git add foo.txt**:chỉ staging foo.txt

15.**git commit –amend**:sửa commit

16.**git log –oneline**:hiển thị nhật ký trên 1 dòng

17.**git diff –staged**:sự khác biệt giữa stage và head

18.**git merge br1**:khi đang ở nhánh develop, ghép nhánh br1 vào nhánh develop

19.**git reset –soft**:nội dung của nhánh làm việc trở về head

20.**git rm –cached foo.txt**:xóa tệp foo.txt khỏi stage

21. **git mv foo.txt bar.txt**:thay đổi tên tệp từ foo.txt=>bar.txt

22:**git reflog**:xem nhật kí thao tác

23.**git push origin develop:work1** : **Đẩy nhánh work1 của kho local vào nhánh develop của kho truy cập từ xa origin**

**24.git commit:commit tệp staging**

**25.git remote add repo1:đăng kí kho truy cập từ xa.**